

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9- 2018

*"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Huỳnh Công Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim Đ, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X Đ1, xã Đ Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lương Thái B, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X Đ2, xã Đ Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Kim Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Lương Thái B sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ Y cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian chung sống chị và anh B có được một đứa con chung tên Lương Thành Đ,

sinh ngày 22/01/2011, hiện nay đang chung sống với chị. Về tài sản chung và nợ chung không có. Quá trình chung sống chị và anh B sống hạnh phúc đến ngày 25/10/2016, anh B tự ý bỏ nhà ra đi mà không rõ nguyên nhân, chị đã nhiều lần động viên anh B về nhà chung sống nhưng đến nay anh B vẫn không thay đổi, chị có nhờ mẹ chồng khuyên ngăn cũng không hàn gắn được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Lương Thái B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lương Thành Đ, sinh ngày 22/01/2011, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 03/7/2018, Lương Thành Đ có nguyện vọng như sau:* Khi cha mẹ là anh Lương Thái B và chị Trương Thị Kim Đ ly hôn thì Lương Thành Đ có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị Trương Thị Kim Đ.

** Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2018 biết được:* anh Lương Thái B và chị Trương Thị Kim Đ có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Lương Thái B không ở nhà, không quan tâm lo lắng gia đình và anh chị đã ly thân với nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung của anh chị do chị B nuôi dưỡng, hiện nay anh B thường xuyên đi làm thuê ít có mặt ở nhà.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Lương Thái B biết và ấn định thời gian để anh B có ý kiến về việc khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Đ đối với anh nhưng anh B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.*

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Trương Thị Kim Đ yêu cầu được ly hôn với anh Lương Thái B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lương Thành Đ, sinh ngày 22/01/2011 theo nguyện vọng của Đ, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lương Thái B vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực

hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhận đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 đến ngày 12/6/2018 mới thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là chưa đúng nên cần rút kinh nghiệm; bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị Đ và anh B chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ ngày 25/10/2016 đến nay anh chị không có biện pháp đoàn tụ được. Thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Đ và anh B trầm trọng, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đ được ly hôn với anh B; về quan hệ con chung, chị Đ và anh B có 01 đứa con chung, từ khi anh chị ly thân đến nay chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định và hiện nay con của anh chị có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Đ khi anh chị ly hôn. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con theo nguyện vọng của con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị cho chị Đ nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, khi ly hôn chị Đ không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chị Đ và anh B không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Kim Đ yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Lương Thái B, tranh chấp về nuôi con, bị đơn anh Lương Thái B, cư trú tại ấp X Đ2, xã Đ Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An

Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh B biết và ấn định thời gian để anh B có ý kiến về việc khởi kiện xin ly hôn của chị Đ đối với anh và nuôi con, nhưng anh B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh B, nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai chị Đ không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Đ và anh B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Đ Y là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 183 Quyền số 01/2010 ngày 14/10/2010, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu của chị Đ xin ly hôn với anh B, thời gian chung sống anh chị sống hạnh phúc đến ngày 25/10/2016 anh B bỏ về nhà mẹ ruột của anh B sống ly thân với chị Đ đến nay, mặc dù chị Đ có nhờ mẹ chồng khuyên ngăn cũng không hàn gắn được, anh chị đã ly thân một thời gian dài, không quan tâm lo lắng, giúp đỡ lẫn nhau là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung, chị Đ và anh B có 01 đứa con chung tên Lương Thành Đ, sinh ngày 22/01/2011, hiện nay chị Đ đang nuôi dưỡng, có nguyện vọng khi anh chị ly hôn con của anh chị có nguyện vọng chung sống với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên tên Lương Thành Đ là

phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghi nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị Đ và nguyện vọng con của anh chị, giao con chung của anh chị tên Lương Thành Đ, sinh ngày 22/01/2011 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị.

[6] Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản và nợ chung, chị Đ và anh B không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kim Đ được ly hôn với anh Lương Thái B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Lương Thành Đ, sinh ngày 22/01/2011 cho chị Trương Thị Kim Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Lương Thành Đ con của anh chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: chị Đ và anh B không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Kim Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005536 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Chị Trương Thị Kim Đ nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 11/9/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã H Y;
- Lưu: HSV A, VP (Thảo).

Võ Thanh Huyền